

CHILD PROTECTION POLICY
CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TRẺ EM

TEACH FOR
VIETNAM
Giảng dạy vì Việt Nam

Last update on October 19, 2017
Cập nhật ngày 19/10/2017

DEFINITION

ĐỊNH NGHĨA

Corporal or physical punishment is the use of physical force intended to cause pain or discomfort for control, discipline, correction or changing behavior or in the attempt to educate a student. Physical pain can be caused by different means such as hitting the student with a hand or other object, kicking, shaking, dragging or throwing the student, pinching or pulling hair, caning or whipping.

Hình phạt thân thể hoặc thể xác là sử dụng vũ lực nhằm gây đau đớn hoặc khó chịu để kiểm soát, kỷ luật, sửa chữa hoặc thay đổi hành vi hoặc cố gắng giáo dục học sinh. Nỗi đau thể xác có thể được gây ra bằng nhiều phương tiện khác nhau như là đánh học sinh bằng tay hoặc những vật dụng khác; đá, lắc, kéo lê hoặc vật ngã học sinh, ngắt véo hoặc kéo tóc; roi mây hoặc roi da.

Teach For Vietnam extends this definition to include any practice that seeks to embarrass a student and/or does not uphold their dignity.

Teach For Vietnam mở rộng định nghĩa này bao gồm bất kỳ hành động/ hành vi nào làm xấu hổ học sinh và/ hoặc không tôn trọng danh dự/ nhân phẩm của học sinh.

Legality in Vietnam: The use of corporal punishment in schools is illegal in Vietnam. In 2004, the LAW ON CHILD PROTECTION, CARE AND EDUCATION was passed and in 2016 published the LAW ON CHILD to articulate the obligations of children's rights.

Tính hợp pháp ở Việt Nam: Việc sử dụng hình phạt thân thể trong trường học là bất hợp pháp ở Việt Nam. Năm 2004, LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM được thông qua và vào năm 2016 ban hành LUẬT TRẺ EM thay thế cho LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM quy định rõ ràng các nghĩa vụ về quyền của trẻ em.

Teach for Vietnam shall ensure that staff/fellows are aware of the LAW ON CHILD PROTECTION, CARE AND EDUCATION and this guideline and have access to it. Through awareness and training, staff/Fellows will be educated about the different risks to students. Staff/Fellows shall raise awareness about students' rights in their classrooms, with their students and within their schools and communities.

Teach For Vietnam đảm bảo rằng nhân viên/ các Fellow đều được biết về LUẬT TRẺ EM và Hướng dẫn này đồng thời có quyền tiếp cận nó. Thông qua việc nhận thức và được đào tạo, nhân viên/ fellows sẽ được giáo dục về những rủi ro khác nhau của học sinh. Nhân viên/ fellows sẽ nâng cao nhận thức về quyền của học sinh trong lớp học, với học sinh do các fellow phụ trách và trong trường học và cộng đồng nơi các fellow làm việc và sinh sống.

Teach For Vietnam will encourage a workplace of transparency, openness and accountability, where Students, staff and Fellows know about students' rights and both challenge and report to HR any breaches to Student Protection.

Teach For Vietnam khuyến khích một nơi làm việc minh bạch, cởi mở và trách nhiệm, nơi những học sinh, nhân viên và Fellow biết rõ về quyền của học sinh và chủ động phản biện và báo cáo đến người quản lý nhân sự nếu có bất kỳ vi phạm nào đối với Luật Bảo vệ Trẻ em.

RESPONSIBILITIES

TRÁCH NHIỆM

To ensure the Safety and Protection for ALL Students in our classrooms, Teach For Vietnam may:

Để đảm bảo sự An toàn và Bảo vệ cho Tất cả Học sinh trong lớp học của chúng ta, Teach For Vietnam có trách nhiệm:

- Equip and train staff to informally check with students about their perceived and actual comfort levels in the classroom.
 - *Trang bị và đào tạo cho nhân viên để kiểm tra không chính thức mức độ nhận thức và cảm giác thoải mái thật sự của các em học sinh trong lớp học.*
- Request that school principals and other Fellows to communicate with Teach For Vietnam if they witness signs of corporal punishment being used in a Fellow's classroom
 - *Kiến nghị hiệu trưởng nhà trường và các Fellow khác liên lạc với Teach For Vietnam nếu họ chứng kiến các dấu hiệu của việc sử dụng những hình phạt thân thể trong lớp học của Fellow.*
- Require all Fellows and staff, at the start of the school year, to commit to the standards and expectations set out in this guideline and the Code of Conduct below.
 - *Yêu cầu tất cả Fellows và nhân viên, vào đầu năm học, cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn và mong đợi được đưa ra trong hướng dẫn và Quy tắc Ứng xử bên dưới.*

TEACH FOR VIETNAM STUDENT PROTECTION CODE OF CONDUCT

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ BẢO VỆ QUYỀN LỢI HỌC SINH CỦA TEACH FOR VIETNAM

No Fellow/Staff/employee shall ever:

Fellow/ Nhân viên/người lao động KHÔNG ĐƯỢC:

a. Hit or otherwise physically abuse a Student

a. Dùng vũ lực hoặc lạm dụng thân thể đối với Học sinh

- Including swearing/cursing, threatening to physically abuse, calling students hurtful names (stupid, idiot), consistently yelling
- *Bao gồm chửi thề/ văng tục, đe dọa lạm dụng thân thể, gọi học sinh bằng tên gọi gây tổn thương (ngu ngốc, ngu dốt), quát mắng.*

b. Develop relationships with Students which could in any way be deemed exploitative or abusive

b. Thao túng các mối quan hệ với học sinh mang tính lợi dụng hoặc xâm hại

- Including slapping, hitting, punching, pinching, pulling hair, pushing, shaking, twisting, kicking, having students hit each other
- *Bao gồm tát, đánh, đấm, véo,, kéo tóc, đẩy, lắc, cho phép học sinh đánh nhau*

c. Use language, make suggestions or offer advice which is inappropriate, offensive or abusive

c. Sử dụng ngôn ngữ, đưa ra những gợi ý hoặc đưa ra lời khuyên không phù hợp, mang tính xúc phạm hoặc lạm dụng

- Including swearing/cursing, threatening to physically abuse, calling students hurtful names (stupid, idiot), consistently yelling
- *Bao gồm chửi thề/ văng tục, đe dọa lạm dụng thân thể, gọi học sinh bằng tên gọi gây tổn thương (ngu ngốc, ngu dốt), quát mắng.*

d. Act in any way that intends to embarrass, shame, humiliate, or degrade a Student

d. Có bất kỳ một hành động nào có ý gây xấu hổ, nhục mạ, hoặc hạ nhục Học sinh

- Including locking in a room alone, locking a child outside
- *Bao gồm khóa các em một mình trong phòng, nhốt trẻ ở bên ngoài*

e. Act in ways that may be abusive or may place a Student at risk of abuse

e. Hành động theo những cách có thể gây xúc phạm hoặc có thể đặt Học sinh vào tình huống có nguy cơ bị lạm dụng

f. Discriminate against a Student on the basis of race, culture, age, gender, disability, religion, sexuality, political persuasion or any other status

f. Phân biệt đối xử với học sinh dựa trên chủng tộc, văn hóa, tuổi tác, giới, khiếm khuyết, tôn giáo, giới tính, quan điểm chính trị hoặc bất kỳ tình trạng nào khác.

g. Behave or suggest physically, or otherwise in a manner, which is in appropriate or sexually provocative or may be considered to be sexual abuse

g. Hành xử hoặc đòi hỏi về thể xác, hoặc một cách nào khác không phù hợp hoặc kích động dục tính hoặc có thể được coi là lạm dụng tình dục

h. Have a Student/Students with whom such Fellow/staff/employee is working to stay at their home unsupervised during any time of the day, for any length of time with or without knowledge of the parents/caretakers/ guardians of such Student

h. Đang làm việc cùng với một hoặc nhiều Học sinh ở nhà của các em vào bất cứ thời gian nào trong ngày, trong suốt khoảng thời gian khi không được giám sát dù có hoặc không có thông báo cho phụ huynh/người chăm sóc/người giám hộ của học sinh

i. Sleep in the same room or bed as a Student with whom such Fellow/Staff/employee is working

i. Ngủ trong cùng một phòng hoặc trên giường với một học sinh

k. Kiss, hug, fondle, rub, or touch a Student in any way that may be considered in appropriate or culturally insensitive, and which may or may not be construed as sexual abuse

k. Hôn, ôm, vuốt ve, chà xát hoặc đụng chạm vào học sinh dưới bất cứ hình thức nào đều có thể bị xem là không thích hợp hoặc không phù hợp văn hóa, và có thể hoặc không thể hiểu là lạm dụng tình dục

l. Do things or provide unsolicited assistance to a Student to do things of a personal nature that a Student could do for him/herself (including dressing, bathing, and grooming)

l. Thực hiện các hành động hoặc trợ giúp những việc mang tính cá nhân không được học sinh yêu cầu khi mà các em có thể tự làm (bao gồm mặc quần áo, tắm rửa và chải chuốt)

m. Allow Students to engage in sexually provocative games with each other

m. Để cho học sinh tham gia chơi các trò chơi kích động tình dục với nhau

n. Ignore or not take any action where inappropriate actions are inflicted by Students on other Students in person and/or offensive material (including violence/abuse/pornography) in any form of media (including in any magazines/newspapers/personal computers) is found in possession of any staff/Fellows or in use by Teach For Vietnam

n. Phớt lờ hoặc không thực hiện bất kỳ hành động nào khi phát hiện các hành động không phù hợp được thực hiện bởi học sinh lên các học sinh khác và/hoặc phát tán các tài liệu sai trái(Bao gồm bạo lực/ lạm dụng/ khiêu dâm) dưới bất kỳ hình thức truyền thông nào (Bao gồm trong bất kỳ tạp chí, báo máy tính cá nhân) được tìm thấy thuộc quyền sở hữu của bất kỳ nhân viên/Fellows hoặc sử dụng bởi Teach For Vietnam

IN GENERAL, IT SHALL BE CONSIDERED INAPPROPRIATE TO
NÓI CHUNG, CÁC HÀNH ĐỘNG SAU ĐÂY LÀ KHÔNG PHÙ HỢP

a. Spend excessive time alone with any Student/Students (for any reason other than investing in the student for the student's achievement)

a. Dành quá nhiều thời gian một mình chobắt kỳ một hay nhiều học sinh (vì bất cứ lý do nào khác ngoài việc đầu tư để giúp học sinh cải thiện/đạt được thành tích tốt hơn)

b. Take any Student/Students to other people's home or any other place without supervision, especially where the Students will be alone with Fellow/staff/employee without the consent of the parents. This is not an exhaustive or exclusive list and may be updated/revised from time to time by Teach For Vietnam

b. Đưa bất cứ học sinh/ những học sinh vào nhà của người khác hoặc một nơi nào khác mà không có sự giám sát, đặc biệt là những nơi mà học sinh ở một mình với Fellow/nhân viên mà không có sự đồng ý của phụ huynh/người giám hộ. Đây không phải là danh sách đầy đủ hoặc duy nhất mà có thể được Teach For Vietnam cập nhật/sửa đổi theo thời gian.

c. Sending students to another adult for the purpose of having the student getting physically, sexually or emotionally hurt

c. Gửi học sinh cho một người lớn khác nhằm mục đích khiến học sinh bị tổn thương về thể chất, giới tính hoặc tình cảm.

d. Require students to engage in physical actions for the sole purpose of exhausting or punishing students, particularly if it is outside of the context of the class, including excessive copying of notes and tests for the sake of physical exhaustion, running laps/ push-ups for punishment (and not for health/gym class)

d. Yêu cầu học sinh tham gia vào các hoạt động thể chất với mục đích để làm kiệt sức hoặc trừng phạt học sinh, đặc biệt nếu nó nằm ngoài ngữ cảnh của lớp học, bao gồm việc sao chép bài và các bài kiểm tra gây kiệt sức, chạy vòng/ tăng cường hình phạt (và không phải vì sức khỏe/ tập thể hình)

DISCIPLINARY PROCEDURE FOR VIOLATION OF THE STUDENT PROTECTION GUIDELINE

THỦ TỤC KỶ LUẬT CHO SỰ VI PHẠM VỀ HƯỚNG DẪN BẢO VỆ HỌC SINH

a. Any incident/evidence that points towards violation of Teach For Vietnam's Student Protection Guideline will lead to initiation of a disciplinary process.

a. Bất cứ sự việc/bằng chứng dẫn đến việc vi phạm Hướng dẫn Bảo vệ Học sinh của Teach For Vietnam sẽ dẫn đến việc bắt đầu quá trình kỷ luật

b. An investigation to determine the exact nature of the violation will be carried out where required.

b. Một cuộc điều tra để xác định bản chất chính xác của sự vi phạm sẽ được thực hiện khi cần thiết.

c. The LDO and/or others will provide any Fellow/staff member who has violated the Student Protection Code of Conduct and whose contract has not been terminated additional support with a specific observation time during which he/she will be guided and monitored closely.

c. LDO và/hoặc những người khác sẽ cung cấp cho mọi Fellow/nhân viên nào đã vi phạm Bộ Nguyên tắc Bảo vệ Học sinh và hợp đồng của người đó không bị chấm dứt thêm sự hỗ trợ cùng với thời gian quan sát cụ thể và người ấy sẽ được theo dõi chặt chẽ trong suốt quá trình này.

d. In consultation with the LDO, LDO Manager, Director of Training & Support and CEO, a Fellow/staff member may be advised to resign, and if they choose not to, their contract with Teach for Vietnam may be terminated.

d. Tham khảo ý kiến cùng với LDO, Giám đốc Đào tạo và hỗ trợ, Giám đốc điều hành, một Fellow/nhân viên có thể được khuyên từ chức, và nếu họ không thực hiện, Hợp đồng đã ký với Teach For Vietnam vẫn có thể bị chấm dứt

e. Important to Note: If you witness/hear about student abuse it is your responsibility to communicate this to your LDO and the Fellow directly. Observing an incident and NOT discussing it with the Fellow and reporting it to the LDO is *as* unacceptable as abusing a student.

e. Lưu ý quan trọng: Nếu có ai đó chứng kiến/ nghe nói về hành vi lạm dụng tình dục đối với học sinh, họ có trách nhiệm thông tin điều này trực tiếp với LDO và Fellow có liên quan. Chứng kiến một sự việc và KHÔNG thảo luận với Fellow VÀ báo cáo nó cho LDO là điều không được chấp nhận xét như việc lạm dụng tình dục đối với học sinh.